

**THÔNG TƯ
HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI VÀ QUYẾT ĐỊNH DANH MỤC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM
MÔI TRƯỜNG CẦN PHẢI XỬ LÝ**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Căn cứ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây
ô nhiễm môi trường cần phải xử lý như sau:*

I. Căn cứ phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Việc phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường căn cứ vào mức độ vi phạm tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường (trong Thông tư này cụm từ tiêu chuẩn môi trường được sử dụng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và được hiểu như cụm từ quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật) của các thông số ô nhiễm chính về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Các thông số môi trường chính về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung của cơ sở bao gồm:
 - pH, nhiệt độ của nước thải;
 - Chất phóng xạ trong nước thải, khí thải;
 - Các thông số được quy định trong các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường tương ứng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định dựa trên báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (được lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2006) hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường (được lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2006) hoặc đề án bảo vệ môi trường (được lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2006) đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận hoặc theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
- Trường hợp cơ sở có các vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn mà gây ô nhiễm môi trường xung quanh thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định thêm các thông số môi

trường chính về nước thải, khí thải do chất thải rắn gây ra theo hướng dẫn tại Khoản 2 mục này để làm căn cứ phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

II. Tiêu chí phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường

1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1.1. Có từ 02 (hai) thông số ô nhiễm thông thường vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường cho phép từ 5 (năm) lần trở lên;

1.2. Có từ 02 (hai) thông số ô nhiễm nguy hại vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường cho phép từ 3 (ba) lần trở lên;

1.3. Có 01 (một) thông số ô nhiễm thông thường vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường cho phép từ 05 (năm) lần trở lên và 01 (một) thông số ô nhiễm nguy hại vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường cho phép từ 03 (ba) lần trở lên;

1.4. Có giá trị trung bình của 02 (hai) thông số ô nhiễm vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường cao nhất từ 06 (sáu) lần trở lên;

1.5. Có từ 02 (hai) thông số ô nhiễm vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường trở lên và có ít nhất 01 (một) thông số ô nhiễm thông thường vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường từ 10 (mười) lần trở lên;

1.6. Có từ 02 (hai) thông số ô nhiễm vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường trở lên và có ít nhất 01 (một) thông số ô nhiễm nguy hại vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường từ 5 (năm) lần trở lên;

1.7. Có chứa chất phóng xạ gây ô nhiễm môi trường vượt mức cho phép;

1.8. Có pH nước thải bằng hoặc nhỏ hơn hai (≤ 2) hoặc lớn hơn mười hai phẩy năm ($> 12,5$);

1.9. Có nhiệt độ nước thải lớn hơn 450C.

2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường là cơ sở không thuộc một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 mục này mà có 01 (một) thông số môi trường trở lên về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

III. Trình tự phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý

1. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, dựa trên kết quả gần nhất về kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường và căn cứ tiêu chí phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường tại Mục II của Thông tư này, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và đề xuất biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn (trừ các cơ sở thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) theo Mẫu số 1 và Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này, báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi danh sách cơ sở gây ô

nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 (sau đây gọi chung là Bộ, ngành) có liên quan.

2. Trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, trên cơ sở báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc sau:

2.1. Quyết định danh mục và việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn (trừ các cơ sở thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường; đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành thì phải tham khảo ý kiến của Bộ, ngành liên quan trước khi quyết định;

2.2. Báo cáo danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn (trừ các cơ sở thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) có quy mô vượt thẩm quyền hoặc khả năng xử lý của mình hoặc của Bộ, ngành theo Mẫu số 3 kèm theo Thông tư này để Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an dựa trên kết quả gần nhất về kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường và căn cứ vào tiêu chí phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường tại Mục II Thông tư này, chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường có liên quan lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo Mẫu số 4 và Mẫu số 5 kèm theo Thông tư này trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, trên cơ sở báo cáo của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện các công việc sau:

4.1. Quyết định danh mục và việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc phạm vi quản lý;

4.2. Báo cáo danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng có quy mô vượt thẩm quyền hoặc khả năng xử lý của mình theo Mẫu số 6 kèm theo Thông tư này để Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trước ngày 30 tháng 5 hằng năm, trên cơ sở báo cáo danh sách và đề xuất biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục và việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

6. Việc chỉ đạo tổ chức thực hiện xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tại các Bộ, ngành và các Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ trong quá trình phân loại, lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo quyết định xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và công khai cho nhân dân biết để cùng phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện.
3. Cục Bảo vệ môi trường tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Thông tư này; công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 104 của Luật Bảo vệ môi trường.
4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, điều chỉnh.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Mai Ái Trục

PHỤ LỤC

BẢNG CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG CHÍNH VỀ NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI, TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường chính		Tiếng ồn, độ rung
		Nước thải	Khí thải	
I	Ngành công nghiệp			
01	Cơ sở dệt nhuộm, may mặc			
	- Cơ sở dệt nhuộm	Độ màu, COD, kim loại nặng, chất rắn lơ lửng	SO ₂ CO, bụi Clo, H ₂ S	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở may mặc	Chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, BOD ₅ , COD	Bụi, Clo, SO ₂	
02	Cơ sở sản xuất thực phẩm, đồ uống			
	- Cơ sở sản xuất bánh kẹo	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, amoni, coliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	
	- Cơ sở sản xuất rượu, bia	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, amoni, chất rắn lơ lửng, coliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	
	- Cơ sở sản xuất sữa	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, amoni, chất rắn lơ lửng, coliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	
	- Cơ sở sản xuất đồ hộp	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, coliform, tổng nitơ, tổng photpho	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , H ₂ S	
03	Cơ sở khai khoáng			

	- Cơ sở khai thác vật liệu xây dựng	Chất rắn lơ lửng	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở khai thác khoáng sản kim loại	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, xianua	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO, bụi kim loại	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở khai thác than	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, xianua, COD	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO, H ₂ S	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở khai thác dầu thô và khí tự nhiên	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, xianua, BOD ₅ , COD, Phenol	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO	Tiếng ồn, độ rung
04	Cơ sở sản xuất sản phẩm từ kim loại			
	- Cơ sở cơ khí, luyện kim	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, xianua	SO ₂ , CO, NO _x , bụi, kim loại nặng đặc thù trong khí thải	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở chế tạo máy, thiết bị	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, xianua	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở tái chế kim loại	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, kim loại nặng	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , bụi đồng, bụi chì	
	- Cơ sở mạ kim loại	Các kim loại mạ, kim loại nặng, COD, hóa chất sử dụng	Hơi, khí độc có liên quan	
	- Cơ sở sản xuất các thiết bị, linh kiện điện, điện tử	Kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng	Hơi dung môi hữu cơ đặc thù	
05	Cơ sở chế biến da	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Crom (VI), dầu động thực vật, sunfua	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , amoni, H ₂ S	
06	Cơ sở sản xuất giấy và bột giấy	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, màu, sunfua, nhiệt độ	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , Clo, amoni, H ₂ S	Tiếng ồn, độ rung

07	Cơ sở sản xuất hóa chất	BOD ₅ , COD, kim loại nặng, hóa chất đặc thù	SO ₂ , NO _x , H ₂ S, amoni, nồng độ hóa chất đặc thù trong khí thải	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở sản xuất phân urê	Chất rắn lơ lửng, amoni, Florua, dầu mỡ khoáng, Asen, mùi, phenol, tổng nitơ	Amoni, NO _x	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở sản xuất phân lân	Photpho tổng số, chất rắn lơ lửng, flo, mùi	CO, SO ₂	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở lọc hóa dầu	COD, chất rắn lơ lửng, phenol	Bụi, H ₂ S	Tiếng ồn
	- Kho xăng dầu	COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng	NO _x , TOC, các hợp chất hữu cơ bay hơi đặc thù	
	- Cơ sở sản xuất sản phẩm hóa dầu (chất hoạt động bề mặt, chất hóa dẻo, metanol)	COD, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng	Hơi hữu cơ, bụi	Tiếng ồn
	- Cơ sở sản xuất chất dẻo	COD, chất rắn lơ lửng	Hơi hữu cơ, bụi	Tiếng ồn
	- Cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia	Chất rắn lơ lửng, COD, BOD ₅	Hơi hữu cơ, bụi	Tiếng ồn
	- Cơ sở sản xuất dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	Tiếng ồn
	- Cơ sở gia công nhựa, phế liệu nhựa	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, coliform	Bụi, hơi hữu cơ, SO ₂ , CO, NO _x	
08	Cơ sở chế biến cao su, mũ cao su	BOD ₅ , COD, tổng nitơ, amoni, chất rắn lơ lửng, mùi	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO, Clo, amoniac, H ₂ S	
	Cơ sở sản xuất giấy, cao su lưu hóa, sắm lốp ô tô, máy kéo	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng	Bụi, H ₂ S, SO _x , CO	
09	Cơ sở sản xuất thủy tinh	Chất rắn lơ lửng	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , HF	

10	Cơ sở sản xuất gốm sứ	Kim loại nặng, độ đục, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, flo	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , HF	
11	Cơ sở sản xuất thuốc lá	COD, chất rắn lơ lửng	Bụi, hơi hữu cơ, SO ₂ , CO	
12	Cơ sở sản xuất điện năng:			
	- Cơ sở sản xuất điện bằng nhiệt điện, thủy điện	Chất rắn lơ lửng, COD, kim loại nặng	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	Tiếng ồn, độ rung
	- Cơ sở sản xuất ắc quy	COD, kim loại nặng, chất rắn lơ lửng	Bụi, SO ₂ , CO _x , hơi kim loại	
13	Cơ sở sản xuất nhựa, bao bì, in, sản xuất bóng đèn, phích nước, chế biến cồn	COD, chất rắn lơ lửng	SO _x , hơi hữu cơ, dung môi cồn	
II Ngành nông nghiệp				
14	Cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp			
	- Cơ sở chế biến mía đường	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, sunfua, caliform, nhiệt độ, tổng photpho	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , H ₂ S	
	- Cơ sở chế biến cà phê	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, caliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , NH ₃	
	- Cơ sở chế biến tinh bột sắn	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, caliform, xianua, amoni, CL dư tổng nitơ, tổng photpho, sunfua, mùi	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , amoni, H ₂ S	
	- Cơ sở chế biến hạt điều	COD, BOD ₅ , phenol	Bụi, SO ₂ , CO, phenol	
	- Cơ sở chế biến rau, củ, quả hạt	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng	Bụi	
	- Cơ sở sản xuất bột ngọt	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng	Bụi, SO _x , CO	

	- Cơ sở chế biến nông sản, ngũ cốc	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng		
	Chế biến thức ăn chăn nuôi	BOD ₅ , COD chất rắn lơ lửng, sunfua, coliform, tổng nitơ, tổng photpho, amoni	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , H ₂ S, CH ₄ , NH ₃	
	- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, coliform, độ màu, tổng nitơ, tổng photpho	Bụi, SO ₂ , CO _x , mùi (NH ₃ , H ₂ S)	
15	Cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi tập trung	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, coliform, chất rắn lơ lửng, sunfua	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , H ₂ S, NH ₃	
16	Cơ sở mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa học	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, phenol	Bụi, SO ₂ , NO _x , dung môi hữu cơ	
17	Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ	COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng	Bụi, SO ₂ , hơi dung môi	
18	Kho thuốc bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật	Lân hữu cơ, clo hữu cơ, phenol	Lân hữu cơ, clo hữu cơ	
III	Ngành xây dựng			
19	Cơ sở xử lý, chế biến chất thải	BOD ₅ , COD, tổng nitơ, tổng photpho, coliform, chất rắn lơ lửng, độ đục	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , H ₂ S	
20	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp tập trung	BOD ₅ , COD, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, kim loại nặng, coliform, màu	Mùi	Tiếng ồn, độ rung
21	Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng: gạch ngói, xi măng, gạch lát, đá xẻ	Chất rắn lơ lửng, kim loại nặng, độ đục	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , HF	
IV	Ngành thủy sản			
22	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	BOD ₅ , COD, tổng nitơ, tổng photpho, coliform, chất rắn lơ lửng, amoni	Mùi (hữu cơ), amoni	

23	Cơ sở chế biến thủy sản	BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, coliform, dầu mỡ	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , amoni, H ₂ S	Tiếng ồn
V Ngành y tế				
24	Bệnh viện, trung tâm y tế, khu chăm sóc, điều dưỡng	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, coliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x , dioxin	
VI Ngành giao thông vận tải				
25	Cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thủy	Kim loại nặng, dầu, phenol, chất rắn lơ lửng, xianua	Bụi, bụi kim loại, hơi kiềm, hơi axit, SO ₂ , CO, NO _x	Tiếng ồn, độ rung
26	Cảng biển và sông	BOD ₅ , kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, coliform	Bụi, SO ₂ , CO, NO _x	
27	Các cơ sở phá dỡ tàu thủy	BOD ₅ , kim loại nặng, dầu, coliform	Bụi, bụi kim loại, SO ₂ , CO, NO _x	Tiếng ồn, độ rung
28	Nhà máy chế tạo ô tô, xe máy	BOD ₅ , COD, kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, coliform	Bụi, bụi kim loại, SO ₂ , CO, NO _x	
29	Cơ sở vệ sinh súc rửa tàu dầu	BOD ₅ , kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, coliform		
VII Ngành du lịch				
30	Nhà hàng, khách sạn	BOD ₅ , tổng nitơ, tổng photpho, coliform	Bụi, nhiệt độ	

Ghi chú: Các thông số môi trường nguy hại được quy định cụ thể tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6706:2000 về chất thải nguy hại - phân loại; Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7629:2007 về ngưỡng chất thải nguy hại.

Mẫu số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH
PHỐ....
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Năm 20....

(Kèm theo Báo cáo số...../..... Ngày..... tháng.....năm 20 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Cơ quan quản lý trực tiếp	Cơ quan phê duyệt báo cáo DTM hoặc đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường	Lý do đưa vào danh sách ¹	Đề xuất thời gian thực hiện xử lý	Đề xuất biện pháp xử lý
1							
2							
3							
...							

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Đối chiếu với các tiêu chí đã được quy định

Mẫu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH
PHỐ....
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG

Năm 20....

(Kèm theo Báo cáo số...../..... Ngày..... tháng.....năm 20 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Cơ quan quản lý trực tiếp	Cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường	Lý do đưa vào danh sách¹	Đề xuất thời gian thực hiện xử lý	Đề xuất biện pháp xử lý
1							
2							
3							
...							

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Đối chiếu với các tiêu chí đã được quy định

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH
PHỐ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG NĂM 20... ĐỀ NGHỊ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ

(Kèm theo Báo cáo số...../..... Ngày..... tháng.....năm 20 của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Cơ quan quản lý trực tiếp	Cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường	Lý do đưa vào danh sách ¹	Đề xuất thời gian thực hiện xử lý	Đề xuất biện pháp xử lý
1							
2							
3							
...							

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Đối chiếu với các tiêu chí đã được quy định

Mẫu số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ QUỐC PHÒNG/BỘ CÔNG AN
TỔNG CỤC/CỤC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG NĂM 20...
(Kèm theo Báo cáo số...../..... Ngày..... tháng.....năm 20.... của Tổng cục/Cục.....)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Cơ quan quản lý trực tiếp	Cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường	Lý do đưa vào danh sách ¹	Đề xuất thời gian thực hiện xử lý	Đề xuất biện pháp xử lý
1							
2							
3							
...							

TỔNG CỤC TRƯỞNG/CỤC TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Đối chiếu với các tiêu chí đã được quy định

Mẫu số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ QUỐC PHÒNG/BỘ CÔNG AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG NĂM 20... ĐỀ NGHỊ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ

(Kèm theo Báo cáo số...../..... Ngày..... tháng.....năm 20... của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Cơ quan quản lý trực tiếp	Cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường	Lý do đưa vào danh sách ¹	Đề xuất thời gian thực hiện xử lý	Đề xuất biện pháp xử lý
1							
2							
3							
...							

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Đối chiếu với các tiêu chí đã được quy định